TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Lộc.

2. Ông Nguyễn Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 172/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ái K, sinh ngày 08/7/1995; CCCD: 052195002022; địa chỉ nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai; địa chỉ nơi tạm trú: Số H đường số D, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh C, Vu T, sinh ngày 01/01/1978; Hộ chiếu số: 521076046; địa chỉ: 2904 168th A, Bellevue, WA 98008-5648; vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai ngày 07 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C, Vu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định (cũ). Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Sau đó anh C, Vu T về lại Hoa Kỳ còn chị ở lại Việt Nam. Từ tháng 10/2024 cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Hiện nay chị đang ở Việt Nam còn anh C, Vu T ở Hoa Kỳ. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C, Vu T không có con chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị Tòa hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 18/02/2026 (Văn bản này đã được P tại B, S, USA chứng nhận), bị đơn anh C, Vu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 10/2024 cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Hiện nay anh đang ở Hoa Kỳ, chị K ở Việt Nam. Chị K đã gửi đơn ly hôn đến Tòa và báo cho anh biết, anh cũng đồng ý ly hôn trên cơ sở tự nguyện.

Về con chung: Anh và Nguyễn Thị Ái K không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang sinh sống, làm việc tại Hoa Kỳ không thể về Việt Nam nên đề nghị Tòa hòa giải và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ái K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, Vu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị K và anh C, Vu T đồng ý chọn Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai giải quyết nên theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị K và anh C, Vu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh C, Vu T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái K và anh C, Vu T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Uỷ ban nhân thị xã A, tỉnh Bình Định (cũ) nên hôn nhân giữa chị K và anh C, Vu T là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị K xin ly hôn vì lý do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh C, Vu T cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh C, Vu T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh

phúc cho cả hai. Yêu cầu ly hôn của chị K là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Chị K và anh C, Vu T không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị K, anh C, Vu T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Ái K ly hôn anh C, Vu T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ái K và anh C, Vu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ái K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002730 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- UBND phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai (Số 02/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu